

THỰC VẬT ĐAI CAO KHU VỰC NÚI SA MÙ THUỘC KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN BẮC HƯỚNG HÓA, TỈNH QUẢNG TRỊ

KHÔNG TRUNG

Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Trị

HÀ VĂN HOAN, TRƯƠNG QUANG TRUNG

Khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa, Quảng Trị

ĐỖ THỊ XUYẾN

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Khu Bảo tồn thiên nhiên (Khu BTTN) Bắc Hướng Hóa nằm ở phía Tây của tỉnh Quảng Trị, có diện tích 23.300ha, đa phần diện tích nằm ở phía Tây của dãy Trường Sơn trong đó phải kể đến là vùng địa hình cao nhất của tỉnh Quảng Trị với hai đỉnh Sa Mù (1550m) và Voi Mẹp (1700m), là nơi có hệ thực vật phong phú và hệ sinh thái điển hình của vùng đồi núi Trung Trường Sơn, nơi lưu giữ các nguồn gen thực vật quý hiếm mang tầm quốc gia và quốc tế. Vì thế, công tác nghiên cứu thực vật tại đây càng trở nên có ý nghĩa và cần thiết nhằm mục đích cho công tác bảo tồn đa dạng thực vật. Trong phạm vi bài báo này, chúng tôi đưa ra các dẫn liệu về thực vật đai cao khu vực núi Sa Mù thuộc Khu BTTN Bắc Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng

Tất cả các loài thực vật bậc cao có mạch đai từ 800m trở lên tại khu vực núi Sa Mù thuộc 3 xã Hướng Phùng, Hướng Việt và Hướng Sơn thuộc Khu BTTN Bắc Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

2. Phương pháp

Sử dụng phương pháp kế thừa tài liệu, phương pháp chuyên gia, phương pháp điều tra thực địa theo tuyến, các phương pháp xử lý số liệu nội nghiệp như xử lý mẫu vật thu thập, xác định tên khoa học bằng phương pháp hình thái so sánh [8,9], danh lục các loài thực vật tại đây được sắp xếp theo hệ thống của bộ sách “Danh lục các loài thực vật ở Việt Nam” [2,10].

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đa dạng các taxon thực vật tại đai cao khu vực núi Sa Mù thuộc Khu BTTN Bắc Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị

- Đa dạng các taxon ở mức độ ngành:

Qua quá trình điều tra về thành phần các loài thực vật, chúng tôi đã xác định được tổng số 542 loài, thuộc 116 họ của 5 ngành thực vật bậc cao có mạch: Ngành Thông đất (Lycopodiophyta) với 4 loài, 2 chi thuộc 2 họ; ngành Cỏ tháp bút (Equisetophyta) với 1 loài, 1 chi thuộc 1 họ; ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) với 50 loài, 24 chi thuộc 13 họ; ngành Thông (Pinophyta) với 6 loài, 5 chi, 3 họ; ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) với 481 loài, 236 chi thuộc 97 họ.

Có thể thấy, hệ thực vật tại đai cao của núi Sa Mù đã có mặt của 5/6 ngành thực vật bậc cao có mạch của hệ thực vật Việt Nam. Trong đó ngành Cỏ tháp bút (Equisetophyta) là những ngành kém đa dạng nhất với 1 họ, 1 chi, 1 loài. Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) đa dạng nhất với tổng số 481 loài, 236 chi, 97 họ, chiếm tỷ lệ tương ứng là 88,74%; 88,06% và 83,62% của cả hệ. Các ngành còn lại là Dương xỉ (Polypodiophyta), ngành Thông (Pinophyta) và ngành Thông đất (Lycopodiophyta), chiếm tỷ lệ ít hơn.

Bảng 1

Sự phân bố taxon thuộc các ngành thực vật bậc cao có mạch tại đai cao núi Sa Mù

Tên ngành		Loài		Chi		Họ	
Tên khoa học	Tên Việt Nam	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1. Lycopodiophyta	Thông đất	4	0,74	2	0,75	2	1,72
2. Equisetophyta	Cỏ tháp bút	1	0,18	1	0,37	1	0,86
3. Polypodiophyta	Dương xỉ	50	9,22	24	8,95	13	11,21
4. Pinophyta	Thông	6	1,11	5	1,86	3	2,59
5. Magnoliophyta	Ngọc lan	481	88,74	236	88,06	97	83,62
Tổng		542	100	268	100	116	100

Xét riêng cấu trúc của ngành Ngọc lan (còn gọi là ngành Hạt kín), ngành thống trị trong giới thực vật và cũng là bộ mặt của các hệ thực vật, cho thấy tỷ trọng của lớp Ngọc lan (lớp Hai lá mầm) so với lớp Hành (lớp Một lá mầm) được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2

Tỷ trọng của lớp Ngọc lan (lớp Hai lá mầm) so với lớp Hành (lớp Một lá mầm) trong ngành Ngọc lan (Hạt kín)

Tên taxon	Loài	%	Chi	%	Họ	%
Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)	409	85,03	183	77,54	82	84,53
Lớp Hành (Liliopsida)	72	14,97	53	22,46	15	15,46
Tỷ trọng Ngọc lan/Hành	5,7		3,5		5,5	

Kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy cứ 6 loài trong lớp Mộc lan thì có 1 loài trong lớp Hành. Tương tự như vậy, tỷ trọng chi và họ trong lớp Mộc lan và lớp Hành có các giá trị tương ứng là 3-4 và 5-6.

- Đa dạng bậc họ:

Để đánh giá sự đa dạng bậc họ ở hệ thực vật đai cao tại núi Sa Mù, Khu BTTN Bắc Hướng Hóa, chúng tôi thống kê theo thứ tự 10 họ có số loài đa dạng nhất-đây được gọi là bộ mặt của hệ thực vật. Chi tiết được chỉ ra ở bảng sau:

Bảng 3

Các họ đa dạng nhất của hệ thực vật núi Sa Mù

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Euphorbiaceae	Thầu dầu	45	8,30
2	Rubiaceae	Cà phê	17	3,14
3	Lauraceae	Long não	16	2,95
4	Moraceae	Dâu tằm	16	2,95
5	Fabaceae	Đậu	14	2,58
6	Fagaceae	Dẻ	13	2,40
7	Orchidaceae	Phong lan	13	2,40
8	Poaceae	Hòa thảo	13	2,40
9	Melastomataceae	Mua	11	2,03
10	Rutaceae	Cam	11	2,03
Tổng số 10 họ nhiều loài nhất			169	31,18

Qua bảng trên thấy rằng 10 họ đa dạng nhất của hệ thực vật núi Sa Mù, Khu BTTN Bắc Hương Hóa mặc dù chỉ chiếm 8,62% tổng số họ của toàn hệ nhưng lại có số loài là 169, chiếm tỷ lệ là 31,18% tổng số loài trong toàn hệ thực vật. Trong số những họ đa dạng nhất phải kể đến họ Thầu dầu-Euphorbiaceae với 45 loài; họ Cà phê-Rubiaceae với 17 loài; họ Long não-Lauraceae với 16 loài; họ Dâu tằm-Moraceae với 16 loài,... . Đây đều là những họ lớn và giàu loài trong hệ thực vật Việt Nam.

- Đa dạng bậc chi:

Chúng tôi thống kê số lượng loài của 10 chi đa dạng nhất. Kết quả cho thấy, chi với 10 chi, chiếm 3,73% tổng số chi của hệ nhưng có tới 64 loài, chiếm 11,08% tổng số loài của toàn hệ (bảng 4).

Bảng 4

Các chi đa dạng nhất hệ thực vật đai cao núi Sa Mù

TT	Tên chi	Tên họ	Số loài	%
1	<i>Ficus</i> -Sung và	Moraceae-Dâu tằm	11	4,10
2	<i>Asplenium</i> -Ráng can xỉ	Aspleniaceae-Tổ diều	9	3,36
3	<i>Smilax</i> -Khúc khúc	Smilacaceae-Khúc khúc	7	2,61
4	<i>Pteris</i> -Ráng seo gà	Pteridaceae-Ráng seo gà	6	2,24
5	<i>Lithocarpus</i> -Sồi	Fagaceae-Dẻ	6	2,24
6	<i>Lygodium</i> -Bồng bong	Schizeaceae-Bồng bong	5	1,86
7	<i>Rubus</i> -Ngấy	Rosaceae-Hoa hồng	5	1,86
8	<i>Hedyotis</i> -An điền	Rubiaceae-Cà phê	5	1,86
9	<i>Castanopsis</i> -Cà ổi	Fagaceae-Dẻ	5	1,86
10	<i>Ardisia</i> -Cơm nguội	Myrsinaceae-Đơn nem	5	1,86
10 chi đa dạng nhất (3,73% tổng số chi)			64	11,80

Bên cạnh các chi nhiều loài, còn có số lượng lớn các chi đơn loài. Đây là nguồn gen có giá trị bảo tồn lớn, bởi nếu mất một loài trong chi đơn loài, hệ thực vật sẽ mất đi bậc taxon cao hơn.

2. Đánh giá đa dạng về giá trị sử dụng của các loài thực vật ở đai cao núi Sa Mù

Giá trị các loài thực vật được dựa theo các tài liệu như Từ điển cây thuốc Việt Nam, Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Cây cỏ có ích ở Việt Nam. Chi tiết được thống kê ở bảng sau:

Bảng 5

Thống kê công dụng của các loài thực vật

TT	Công dụng	Số loài	Tỷ lệ %
1	Làm thuốc	214	39,50
2	Lấy gỗ	118	21,77
3	Ăn được (ăn quả, ăn hạt, ăn củ, làm rau ăn, gia vị, ...)	58	10,70
4	Cây cảnh, bóng mát	54	10,00
5	Các công dụng khác như cho tanin, làm phân xanh, thức ăn gia súc, ...	47	8,67
6	Lấy dầu	36	6,64

Theo đó, các loài có giá trị làm thuốc chiếm tỷ lệ cao nhất với 214 loài (chiếm 39,5%), các loài này thường tập trung trong các họ Cúc (Asteraceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Cam (Rutaceae), họ Long não (Lauraceae) ...; các loài cây cho gỗ chiếm tỷ lệ lớn với 118 loài (chiếm 21,77%), chủ yếu thuộc các họ như Long não (Lauraceae), họ Mộc lan (Magnoliaceae), họ Côm (Elaeocarpaceae), đặc biệt nhiều loài thuộc chi *Cinnamomum* (Lauraceae) có cá thể tương đối lớn, số lượng cá thể đường kính khoảng 70cm trở lên tương đối nhiều...; các nhóm giá trị khác như cho cây làm cảnh, lấy dầu, cho tanin,... chiếm tỷ lệ nhỏ.

3. Các loài thực vật quý hiếm ở đai cao núi Sa Mù

Trong quá trình điều tra, nghiên cứu, chúng tôi đã thống kê được 15 loài có trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục Đỏ IUCN 2010 và Nghị định số 32/2006/NĐ-CP.

Bảng 6

Thống kê các loài thực vật quý hiếm có mặt tại đai cao đỉnh Sa Mù

TT	Tên Khoa học	Tên Việt Nam	SĐVN 2007	IUCN 2010	NĐ 32/2006
1	<i>Asarum balansae</i> Franch in Morot.	Trầu tiên thảo	EN		IA
2	<i>Codonopsis celebica</i> (Blume) Thuan	Ngân đẳng	EN		
3	<i>Podocarpus neriiifolius</i> D. Don	Thông tre lá dài		LR	
4	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour.	Hoàng đẳng			IIA
5	<i>Stephania japonica</i> (Thunb.) Miers.	Bình vôi nhật			IIA
6	<i>Stephania rotunda</i> Lour.	Bình vôi			IIA
7	<i>Dendrobium nobile</i> Steudel	Thạch học	EN		IIA
8	<i>Nageia wallichiana</i>	Kim giao núi đất	VU	LR	
9	<i>Paphiopedilum</i> sp.	Lan hài	VU		IA
10	<i>Anoectochilus setaceus</i> Blume	Lan kim tuyến	EN		IA
11	<i>Drynaria fortunei</i> (Kunze) J.Sm	Cốt toái bổ	VU		
12	<i>Cinnamomum glaucescens</i> (Buch. Hamilt.) Drury	Re hương	CR	DD	IIA
13	<i>Paris polyphylla</i> Sm.	Bảy lá một hoa	EN		
14	<i>Cephalotaxus manii</i> Hook. f.	Đỉnh tùng	VU	VU	IIA
15	<i>Ardisia sylvestris</i> Pitard	Lá khô tía	VU		

Ghi chú: CR: Cực kỳ nguy cấp, EN: Đang nguy cấp, VU: Sẽ nguy cấp, LR: Ít nguy cấp, DD: Thiếu thông tin, IA: Cấm khai thác sử dụng vì mục đích thương mại, IIA: Hạn chế khai thác sử dụng vì mục đích thương mại.

Theo Sách Đỏ Việt Nam năm 2007: Có 1 loài thuộc cấp Cực kì nguy cấp là Re hương (*Cinnamomum glaucescens*), 5 loài thuộc cấp Đang nguy cấp như Lan kim tuyến (*Anoetochilus setaceus*), Bầy lá một hoa (*Paris polyphylla*), 5 loài thuộc cấp Sắp bị tuyệt chủng. Theo phân cấp tình trạng trong Danh lục Đỏ IUCN 2010: Đáng chú ý có 1 loài thuộc cấp Sẽ nguy cấp là Đinh tùng (*Cephalotaxus manii*) và 2 loài thuộc cấp Gần bị đe dọa, 1 loài thuộc cấp Thiếu thông tin. Các loài trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP có 3 loài thực vật trong nhóm IA là Lan hài (*Paphiopedilum* sp.), Lan kim tuyến (*Anoetochilus setaceus*), Trầu tiên thảo (*Asarum balansae*) và 6 loài trong nhóm IIA.

Hiện trạng tại núi Sa Mù, đa số các loài trên có cá thể nhỏ, chất lượng kém, có số lượng cá thể ít, tỷ lệ tái sinh kém, hầu như không tìm thấy cây tái sinh. Một số loài đang bị khai thác, nơi gặp nguy hiểm, phức tạp như Ngân đằng chỉ gặp một vài cá thể bám trên vách núi đất lẫn đá gần thác mù,... Các loài phân bố cũng thay đổi theo độ cao như các loài Bình vôi (*Stephania* spp.), Hoàng đằng (*Fibraurea tinctoria*), Trầu tiên thảo (*Asarum balansae*) thường chỉ thấy ở độ cao 800-900m, nhưng Đinh tùng (*Cephalotaxus manii*), Thạch斛 (*Dendrobium nobile*), Lan hài (*Paphiopedilum* sp.) thường gặp ở 1.000-1.300m, càng lên cao (khoảng trên 1.000m trở lên) xác suất tìm thấy các loài quý, hiếm nhiều hơn. Vì vậy, trong các loài quý hiếm, những loài này là đối tượng cấp thiết cần được bảo tồn.

III. KẾT LUẬN

- Tổng số các loài thực vật tại đai cao núi Sa Mù, Khu BTTN Bắc Hướng Hóa là 542 loài, 268 chi, thuộc 116 họ của 5 ngành thực vật. Trong đó có 15 loài thuộc diện loài quý hiếm cần phải được bảo tồn.

- Các taxon bậc họ, chi, loài thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) là đa dạng nhất với 97 họ, 236 chi và 481 loài, tập trung chủ yếu ở lớp Hai lá mầm với 82 họ, 183 chi và 409 loài.

- Các họ có số lượng loài nhiều nhất là họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) với 45 loài, họ Cà phê-Rubiaceae với 17 loài; họ Long não-Lauraceae với 16 loài; họ Dâu tằm với 16 loài,... Các chi giàu loài là chi Sung (*Ficus*) có 11 loài, chi Ráng can xỉ (*Asplenium*) có 9 loài, các chi Kim cang (*Smilax*) có 7 loài, chi Sồi (*Lithocarpus*) với 6 loài, Ráng seo gà (*Pteris*) với 6 loài,...

- Thực vật tại núi Sa Mù có nhiều loài cây có giá trị, trong đó các loài có giá trị làm thuốc chiếm tỷ lệ cao nhất với 214 loài (chiếm 39,5%), tiếp đến là các loài cây cho gỗ với 118 loài (chiếm 21,77%), các loài có thể ăn được với 58 loài (chiếm 10,70%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiến Bản, 1997. Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín (Magnoliophyta-Angiospermae) ở Việt Nam, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, 532 trang.
2. Nguyễn Tiến Bản (chủ biên), 2003, 2005. Danh lục thực vật Việt Nam, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2, 3.
3. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách Đỏ Việt Nam. Phần II-Thực vật, NXB. KHTN & CN, Hà Nội.
4. Võ Văn Chi, 2002. Cây cỏ có ích ở Việt Nam. NXB. Giáo dục, tập 1-2.
5. Võ Văn Chi, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam. NXB. Y học, tập 1-2.
6. Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, 2006. Nghị định số 32/2006/NĐ-CP.
7. Phạm Hoàng Hộ, 1991-1993. Cây cỏ Việt Nam. NXB. Mekong, Santa Ana/Montréal, tập 1-3,
8. Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997. Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật. NXB. Nông nghiệp, 223 trang.
9. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật. NXB. ĐHQG, Hà Nội, 171 trang.
10. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001. Danh lục các loài thực vật Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 1.

**VASCULAR PLANT IN SA MU MOUNTAIN OF BAC HUONG HOA NATURE RESERVE,
QUANG TRI PROVINCE**

KHONG TRUNG, HA VAN HOAN, TRUONG QUANG TRUNG, DO THI XUYEN

SUMMARY

The vascular plant in Sa Mu mountain of Bac Huong Hoa Natural Reserve, Quang Tri province was surveyed and identified with 542 species belonging to 116 families in 5 divisions. Among them, Lycopodiophyta with 4 species, 2 genera, 2 families; Equisetophyta with 1 species, 1 genus, 1 family; Polypodiophyta with 50 species, 24 genera, 13 families; Pinophyta with 6 species, 5 genera, 3 families; Magnoliophyta with 481 species, 236 genera, 97 families.

Especially, the Magnoliophyta is the most diverse representing 88.74% of the total species; 88.06% of the total genera; 83.62% of the total families. The Magnoliopsida with 82 families, 183 genera and 409 species, this is the more diverse in Magnoliophyta.

In Sa Mu mountain of Bac Huong Hoa Nature Reserve there are 11 threatened species listed in the Red Data Book of Viet Nam (2007), especially *Cinnamomum glaucescens* in CR level; 4 species in the IUCN (2010) and 9 species in Decree 32/2006/NĐ-CP by Government (*Paphiopedilum* sp., *Anoectochilus cetaceus*, *Asarum balansae* in IA level). The number of useful species of the Sa Mu mountain flora is categorized as follows: 214 species as medicinal plants, 118 species for timber plants, 58 species for food and food stuffs,...